

Bản án số: 111/2021/HS-ST
Ngày: 13/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Xô
2. Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 110/2021/HSST ngày 02 tháng 11 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐXXHS – HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Mạc Duy L, sinh năm 1982, Nơi cư trú: KDC T, phường P, thị xã M, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạc Duy T1(**đã chết**) và bà Nguyễn Thị T2. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T3(**đã ly hôn**) và có 01 con sinh năm 2013. Tiền án, Tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Bản án số 30/2009/HSST ngày 26/6/2009 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh D xử phạt Mạc Duy L 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 24/9/2009, Mạc Duy L được miễn chấp hành hình phạt tù. Ngày 24/12/2009, chấp hành xong phần thi hành án dân sự của bản án.

+ Bản án số 42/2011/HSST ngày 16/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện M (nay là TAND thị xã M), tỉnh D xử phạt Mạc Duy L 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 07/9/2012, L chấp hành xong hình phạt tù của bản án. Ngày 25/10/2011, chấp hành xong phần thi hành án dân sự của bản án.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 175 ngày 05/9/2018 của Công an huyện M (nay là Công an thị xã M) xử phạt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền. Ngày 10/9/2018, L đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/9/2021, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh D. Có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại:*

1. Chị Phùng Thị B, sinh năm 1986. Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Xuân B1, sinh năm 1981. Vắng mặt

Đều có địa chỉ: T 1, phường P, thị xã M, tỉnh D

(Anh B1 ủy quyền cho chị B tham gia các giai đoạn tố tụng và được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1972. Vắng mặt

2. Chị Đào Thị M1, sinh năm 1990. Vắng mặt

Đều trú tại: Khu dân cư S, phường A, thị xã M, tỉnh D

** Người làm chứng:*

1. Cháu Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 27/7/2012

Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Xuân H1: Chị Phùng Thị B, sinh năm 1986, địa chỉ: T 1, phường P, thị xã M, tỉnh D.

2. Ông Lê Văn S1, sinh năm 1989

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 16/9/2021, Mạc Duy L đi xe đạp mini (xe L mượn của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961, địa chỉ: T 1, phường P, thị xã M, tỉnh D) từ nhà đến nhà vợ chồng anh Nguyễn Xuân B1, sinh năm 1981 và chị Phùng Thị B, sinh năm 1986 ở T 1, phường P, thị xã M chơi. Khoảng 7 giờ 45 phút cùng ngày đến nơi, L thấy nhà anh B1 cổng mở, cửa nhà không khóa, L gọi nhưng không có ai trả lời. L dắt xe đạp vào dựng ở sân rồi đi vào trong phòng khách nhà anh B1, L thấy trên chiếc ghế gỗ dài trong phòng khách có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A31, loại 128GB màu trắng có ốp nhựa trong suốt; thấy không có ai ở trong nhà nên L nảy sinh ý định lấy chiếc điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. L đi đến lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần đang mặc rồi ra sân lấy xe đạp đi đến cửa hàng điện thoại Toàn Phát của vợ chồng anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1972 và chị Đào Thị M1, sinh năm 1990,

địa chỉ: phường A, thị xã M, tỉnh D bán được số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo mang tiêu sài cá nhân hết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 75 ngày 21/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã M kết luận: 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A31, loại 128Gb, màu trắng còn giá trị là 4.815.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho vợ chồng chị B, anh B1. Chị B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Đối với số tiền 1.000.000đồng anh Nguyễn Văn T4 bỏ ra mua chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A31. Quá trình điều tra, anh T4 đã giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M. Anh T4 yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh số tiền 1.000.000đồng anh đã bỏ ra mua.

Quá trình điều tra, bị cáo Mạc Duy L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 96/CT - VKS ngày 01/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Mạc Duy L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như VKSND thị xã M đã truy tố và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện VKSND thị xã M giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Mạc Duy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- *Đề nghị xử phạt:* Bị cáo Mạc Duy L từ 08 đến 11 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 22/9/2021.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Mạc Duy L phải bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T4 số tiền 1.000.000đồng.

- *Về xử lý vật chứng:* Không

- *Án phí*: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã M; Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố về cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Mạc Duy L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản nhận dạng và tang vật chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 16/9/2021, tại nhà ở của vợ chồng anh Nguyễn Xuân B1 và chị Phùng Thị B ở T 1, phường P, thị xã M, tỉnh D, lợi dụng gia đình anh B1, chị B không có ai ở nhà, cổng mở, cửa nhà không khóa, Mạc Duy L đã **lén lút** chiếm đoạt của vợ chồng anh B1 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A31, loại 128Gb, màu trắng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.815.000 đồng.

Hành vi lợi dụng sơ hở của người khác rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Mạc Duy L đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội : Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song do ham chơi, lười lao động nhưng lại muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang

mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra tội phạm. Bản thân bị cáo đã có 02 lần bị Tòa án kết án đều về tội “Trộm cắp tài sản”, sau khi về địa phương bị cáo không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại có hành vi vi phạm pháp luật và bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến nay bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với ôp điện thoại bằng nhựa, quá trình điều tra không thu hồi được, không có cơ sở xác định về giá trị. Người bị hại xác định giá trị tài sản không lớn, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy A31, sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo mang tài sản đến cửa hàng điện thoại của vợ chồng anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1972, địa chỉ: Khu dân cư S, phường A, thị xã M, tỉnh D bán được 1.000.000đồng. Quá trình điều tra, xác định: khi mua tài sản, anh T4 không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Anh T4 đã giao nộp chiếc điện thoại đã mua của bị cáo cho Cơ quan cảnh sát điều tra và yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền 1.000.000đồng. Do vậy, cần buộc bị cáo Mạc Duy L phải bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T4 số tiền 1.000.000 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, khi thực hiện hành vi phạm tội và khi mang tài sản đi tiêu

thụ bị cáo điều khiển xe đạp mini (xe bị cáo mượn của bà Nguyễn Thị T2). Quá trình điều tra, xác định chiếc xe đạp mini bị cáo sử dụng là tài sản của bà Nguyễn Thị T2(mẹ của bị cáo), bà Tráng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ và không xử lý là phù hợp. Đối với anh Nguyễn Văn T4 là người đã mua chiếc điện thoại Samsung A31, khi mua anh T4 không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T4 là phù hợp.

[6] *Xử lý vật chứng*: Không

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; của Bộ luật hình sự.

- *Căn cứ*: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Mạc Duy L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Hình phạt chính*:

Xử phạt: Bị cáo Mạc Duy L 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày **22/9/2021**.

- *Về trách nhiệm dân sự*:

+ Buộc bị cáo Mạc Duy L phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1972 và chị Đào Thị M1, sinh năm 1990, địa chỉ: khu Khu dân cư S, phường A, thị xã M, tỉnh D số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ thời điểm người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo không thi hành số tiền phải bồi thường thì bị cáo còn phải chịu lãi suất chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

- *Án phí*: Bị cáo Mạc Duy L phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại, vắng mặt người có quyền lợi liên quan. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- VKSND tỉnh D;
- Công an thị xã M;
- Trại tạm giam Công an tỉnh D.
- Chi cục THADS thị xã M.
- Sở Tư pháp tỉnh D.
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh